

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**DỰ THẢO
NGÀY 15/5/2026**

BẢNG BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 126/2024/NĐ-CP NGÀY 08/10/2024 CỦA CHÍNH PHỦ VỀ TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG VÀ QUẢN LÝ HỘI

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-BNV ngày /5/2026 của Bộ Nội vụ)

Nghị định số 126/2024/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định	Thuyết minh
<p>Điều 4. Phạm vi hoạt động</p> <p>Phạm vi hoạt động của hội (theo địa giới hành chính) gồm:</p> <ol style="list-style-type: none">Hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh.Hội hoạt động trong phạm vi tỉnh.Hội hoạt động trong phạm vi huyện.Hội hoạt động trong phạm vi xã (đối với hội sinh viên tại các trường đại học, cao đẳng được xác định tương đương hội hoạt động trong phạm vi xã).	<p>Điều 4. Phạm vi hoạt động</p> <p>“Phạm vi hoạt động của hội (theo địa giới hành chính) gồm:</p> <ol style="list-style-type: none">Hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh.Hội hoạt động trong phạm vi tỉnh.Hội hoạt động trong phạm vi xã (đối với hội sinh viên tại các trường đại học, cao đẳng được xác định tương đương hội hoạt động trong phạm vi xã)”.	<p>Bỏ Hội hoạt động trong phạm vi huyện để phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp (bãi bỏ khoản 3 Điều 4 Nghị định số 126/2024)</p>
<p>Điều 8. Cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ cho hội</p> <ol style="list-style-type: none">Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ và cấp có thẩm quyền ở Trung ương giao nhiệm vụ đối với hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh.Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cấp có thẩm quyền ở tỉnh giao nhiệm vụ đối với hội hoạt động trong phạm vi tỉnh, huyện.Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và cấp có thẩm quyền ở huyện giao nhiệm vụ đối với hội hoạt động trong phạm vi huyện, xã.Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và cấp có thẩm quyền ở xã giao nhiệm vụ đối với hội hoạt động trong phạm vi xã.	<p>Điều 8. Cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ cho hội</p> <p>“1. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ và cấp có thẩm quyền ở Trung ương giao nhiệm vụ đối với hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh.</p> <ol style="list-style-type: none">Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cấp có thẩm quyền ở tỉnh giao nhiệm vụ đối với hội hoạt động trong phạm vi tỉnh, xã.Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và cấp có thẩm quyền ở xã giao nhiệm vụ đối với hội hoạt động trong phạm vi xã”.	<p>Bỏ Ủy ban nhân dân và Chủ tịch UBND cấp huyện để phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.</p>

Nghị định số 126/2024/NĐ-CP	Dự thảo Nghị định	Thuyết minh
động trong phạm vi xã.		

<p>Điều 9. Cơ sở dữ liệu về hội</p> <p>1. Cơ sở dữ liệu về hội được kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia và Cổng dịch vụ công của Bộ Nội vụ; cơ sở dữ liệu quốc gia khác, cơ sở dữ liệu của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân cấp huyện để hỗ trợ giải quyết các thủ tục về hội và quản lý hoạt động của các tổ chức hội theo phân cấp.</p> <p>2. Thông tin trong cơ sở dữ liệu về hội:</p> <p>a) Thông tin trong cơ sở dữ liệu về hội bao gồm:</p> <p>Thông tin được xác lập khi ban vận động thành lập hội đề nghị thành lập hội;</p> <p>Bản sao hoặc bản điện tử được ký số hợp lệ của hồ sơ đề nghị thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên, phê duyệt điều lệ hoặc sửa đổi, bổ sung điều lệ hội;</p> <p>Một số thông tin về nhân sự ban chấp hành hội hoặc tên gọi khác (sau đây gọi chung là ban chấp hành hội), ban thường vụ hội hoặc tên gọi khác (sau đây gọi chung là ban thường vụ hội); chủ tịch, phó chủ tịch hội; cơ cấu tổ chức, trụ sở, số điện thoại, nhiệm kỳ của hội;</p> <p>Các báo cáo định kỳ và đột xuất;</p> <p>Thông tin về tài sản, tài chính của hội;</p> <p>Các thông tin liên quan khác (nếu có);</p> <p>b) Thông tin trong cơ sở dữ liệu về hội được xác lập từ các nguồn sau:</p> <p>Thông tin được cập nhật trên Cổng dịch vụ công quốc gia và Cổng dịch vụ công của Bộ Nội vụ;</p> <p>Thông tin của các hội cung cấp trong hồ sơ đề nghị thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên, phê</p>	<p>Điều 9. Cơ sở dữ liệu về hội</p> <p>Sửa đổi khoản 1 như sau:</p> <p>“1. Cơ sở dữ liệu về hội được kết nối với cổng dịch vụ công quốc gia và Cổng dịch vụ công của Bộ Nội vụ; cơ sở dữ liệu quốc gia khác (nếu có), cơ sở dữ liệu của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã để hỗ trợ giải quyết các thủ tục về hội và quản lý tổ chức, hoạt động của hội”.</p> <p>Sửa đổi khoản 4 như sau:</p> <p>“4. Quản lý, khai thác, cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu về hội:</p> <p>a) Bộ Nội vụ chủ trì xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu về hội; ban hành quy chế quản lý, khai thác, vận hành cơ sở dữ liệu về hội và hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính bằng hình thức trực tuyến sau khi cơ sở dữ liệu về hội được xây dựng và vận hành; Bộ Nội vụ cấp mã số và tài khoản truy cập Cơ sở dữ liệu về hội cho các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và hội có phạm vi hoạt động toàn quốc hoặc liên tỉnh;</p> <p>b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp mã số và tài khoản truy cập Cơ sở dữ liệu về hội cho Ủy ban nhân dân cấp xã và hội hoạt động trong phạm vi tỉnh truy cập, khai thác cơ sở dữ liệu về hội theo quy định;</p> <p>c) Ủy ban nhân dân cấp xã cấp mã số và tài khoản truy cập Cơ sở dữ liệu về hội cho hội hoạt động trong phạm vi xã truy cập, khai thác cơ sở dữ liệu về hội theo quy định;</p> <p>d) Bộ Nội vụ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, xã và hội có trách nhiệm thường xuyên cập nhật, bổ sung, xác minh thông tin trong cơ sở dữ liệu về hội theo thẩm quyền và quy định pháp luật”.</p>	<p>Để phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp và phù hợp với thực tiễn triển khai.</p>
--	--	--

duyet điều lệ hoặc sửa đổi, bổ sung điều lệ hội;

Thông tin do hội cập nhật lên cơ sở dữ liệu;

Thông tin do các cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hội hoạt động cung cấp;

Thông tin được số hóa, chuẩn hóa từ quyết định giải quyết các thủ tục hành chính về hội;

Thông tin được chia sẻ, chuyển đổi, chuẩn hóa từ các cơ sở dữ liệu được thiết lập trước đây.

3. Nguyên tắc xây dựng, cập nhật, quản lý, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu về hội:

a) Không đưa các thông tin thuộc bí mật nhà nước liên quan đến tổ chức, hoạt động của hội theo quy định của pháp luật về bí mật nhà nước;

b) Phân cấp cập nhật, quản lý, khai thác, sử dụng và gắn việc xây dựng cơ sở dữ liệu hội với việc giải quyết thủ tục hành chính điện tử;

c) Thông tin trong cơ sở dữ liệu về hội được lưu trữ đầy đủ, chính xác; khai thác, sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả theo quy định của pháp luật;

d) Cơ sở dữ liệu về hội được bảo vệ nghiêm ngặt, an toàn theo quy định của pháp luật; tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về công nghệ thông tin; bảo đảm sự tương thích, an toàn, thông suốt trong toàn hệ thống các cơ sở dữ liệu;

đ) Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn thông tin mạng và quy định pháp luật khác có liên quan.

4. Quản lý, khai thác, cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu về hội:

a) Bộ Nội vụ chủ trì xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu về hội; ban hành quy chế quản lý, khai thác, vận hành cơ sở dữ liệu về hội và hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính bằng

<p>hình thức trực tuyến sau khi cơ sở dữ liệu về hội được xây dựng và vận hành; cấp mã số và các tài khoản định danh cho các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và hội;</p> <p>b) Các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và hội có trách nhiệm truy cập, khai thác cơ sở dữ liệu về hội theo quy định;</p> <p>c) Bộ Nội vụ, các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và hội có trách nhiệm thường xuyên cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu về hội.</p>		
<p>Điều 10. Điều kiện thành lập hội</p> <p>1. Tên gọi của hội đảm bảo các điều kiện sau:</p> <p>a) Viết bằng tiếng Việt hoặc phiên âm theo tiếng Việt, nếu không phiên âm ra được tiếng Việt thì dùng tiếng nước ngoài; tên gọi riêng của hội có thể được phiên âm, dịch ra tiếng dân tộc thiểu số, tiếng nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>b) Phù hợp với tôn chỉ, mục đích, phạm vi, lĩnh vực hoạt động chính của hội;</p> <p>c) Không trùng lặp toàn bộ tên gọi hoặc gây nhầm lẫn, bao trùm tên gọi với các hội khác đã được thành lập hợp pháp trước đó;</p> <p>d) Không vi phạm đạo đức xã hội, thuần phong mỹ tục và truyền thống văn hóa dân tộc.</p> <p>2. Lĩnh vực hoạt động chính không trùng lặp với lĩnh vực hoạt động chính của hội đã được thành lập hợp pháp trước đó trong cùng phạm vi hoạt động.</p> <p>3. Có tôn chỉ, mục đích, lĩnh vực hoạt động phù hợp quy định pháp luật.</p> <p>4. Có điều lệ, trừu tượng quy định tại khoản 5 Điều 21 Nghị</p>	<p>Điều 10. Điều kiện thành lập hội</p> <p>1. Bãi bỏ điểm c khoản 6:</p> <p>2. Sửa đổi điểm d khoản 6 Điều 10 thành điểm c khoản 6 Điều 10 như sau:</p> <p>“c) Hội hoạt động trong phạm vi xã có ít nhất 20 tổ chức, công dân tại đơn vị hành chính cấp xã có đủ điều kiện, tự nguyện, có đơn đăng ký tham gia thành lập hội”.</p>	<p>Do không còn hội hoạt động trong phạm vi huyện và thực hiện sáp nhập xã nên cần thiết tăng số lượng tổ chức, công dân tại đơn vị hành chính cấp xã có nguyện vọng thành lập hội từ 10 lên 20 (bằng điều kiện của hội huyện trước đây).</p>

định này.

5. Có trụ sở theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định này.

6. Có đủ số lượng tổ chức, công dân Việt Nam đăng ký tham gia thành lập hội, trừ trường hợp luật, pháp lệnh có quy định khác:

a) Hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh có ít nhất 100 tổ chức, công dân tại hai đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên có đủ điều kiện, tự nguyện, có đơn đăng ký tham gia thành lập hội;

b) Hội hoạt động trong phạm vi tỉnh có ít nhất 50 tổ chức, công dân tại hai đơn vị hành chính cấp huyện trở lên có đủ điều kiện, tự nguyện, có đơn đăng ký tham gia thành lập hội;

c) Hội hoạt động trong phạm vi huyện có ít nhất 20 tổ chức, công dân tại hai đơn vị hành chính cấp xã trở lên có đủ điều kiện, tự nguyện, có đơn đăng ký tham gia thành lập hội;

d) Hội hoạt động trong phạm vi xã có ít nhất 10 tổ chức, công dân tại đơn vị hành chính cấp xã có đủ điều kiện, tự nguyện, có đơn đăng ký tham gia thành lập hội;

đ) Hiệp hội của các tổ chức kinh tế hoạt động trong phạm vi toàn quốc có hội viên là đại diện các tổ chức kinh tế có tư cách pháp nhân của Việt Nam, có ít nhất 11 đại diện pháp nhân ở nhiều tỉnh; hiệp hội hoạt động trong phạm vi tỉnh có ít nhất 05 đại diện pháp nhân trong tỉnh cùng ngành nghề hoặc cùng lĩnh vực hoạt động có đủ điều kiện, tự nguyện, có đơn đăng ký tham gia thành lập hiệp hội.

7. Có tài sản để đảm bảo hoạt động của hội.

Điều 11. Ban vận động thành lập hội

1. Tổ chức, công dân Việt Nam có nhu cầu thành lập hội phải thành lập ban vận động thành lập hội (trong đó dự kiến trưởng ban, phó trưởng ban và các uỷ viên) theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều này và đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định này công nhận ban vận động thành lập hội.

2. Thành viên ban vận động thành lập hội là tổ chức, công dân Việt Nam tâm huyết, trách nhiệm, hoạt động trong lĩnh vực hội dự kiến hoạt động hoặc có liên quan đến lĩnh vực hội dự kiến hoạt động. Các thành viên ban vận động thành lập hội phải đảm bảo các điều kiện sau:

a) Đối với tổ chức:

Được thành lập hợp pháp, có điều lệ hoặc văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ của tổ chức; có đơn tham gia ban vận động thành lập hội;

Có nghị quyết của tập thể lãnh đạo hoặc quyết định của người đứng đầu có thẩm quyền về việc tham gia ban vận động thành lập hội và cử người đại diện tham gia thành viên ban vận động thành lập hội. Người được cử làm đại diện là công dân Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, đảm bảo sức khỏe và không có án tích;

b) Đối với công dân: có đơn tham gia ban vận động thành lập hội, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, đảm bảo sức khỏe và không có án tích.

3. Thành viên ban vận động thành lập hội là cán bộ, công chức, viên chức phải được sự đồng ý cho tham gia ban vận động thành lập hội bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ.

4. Trưởng ban vận động thành lập hội là người có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có kinh nghiệm, có uy tín, am hiểu trong lĩnh vực hội dự kiến hoạt động và sống thường trú tại Việt Nam.

5. Số thành viên ban vận động thành lập hội được quy

Điều 11. Ban vận động thành lập hội

1. Sửa đổi khoản 5 như sau:

“5. Số thành viên ban vận động thành lập hội được quy định như sau:

a) Hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh có ít nhất 10 thành viên đảm bảo tính đại diện cho các vùng, miền;

b) Hội hoạt động trong phạm vi tỉnh có ít nhất 05 thành viên tại hai đơn vị hành chính cấp xã trở lên;

c) Hội hoạt động trong phạm vi xã có ít nhất 03 thành viên”.

2. Bổ sung điểm c khoản 7 như sau:

“c) Chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp về tài liệu cung cấp theo hồ sơ thành lập hội theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định này”.

Để phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp. Đồng thời, nhằm quy định ban sáng lập phải chịu tính chính xác về các thông tin, tài liệu khi nộp cho cơ quan nhà nước góp phần giúp các cơ quan quản lý nhà nước giải quyết hồ sơ được đảm bảo thời gian.

Điều 12. Hồ sơ, thủ tục và thẩm quyền công nhận ban vận động thành lập hội

1. Hồ sơ đề nghị công nhận ban vận động thành lập hội được lập thành 01 bộ, gồm:

a) Đơn đề nghị công nhận ban vận động thành lập hội (bản gốc), trong đơn nêu rõ tên hội, sự cần thiết thành lập hội, tôn chỉ, mục đích của hội, lĩnh vực chính mà hội dự kiến hoạt động, phạm vi hoạt động, dự kiến thời gian chuẩn bị thành lập hội và nơi tạm thời làm địa điểm hội họp;

b) Danh sách trích ngang (bản gốc) của những người dự kiến trong ban vận động thành lập hội, gồm: họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; quê quán; trình độ văn hóa; trình độ chuyên môn; chức vụ, đơn vị công tác (nếu có); chức danh trong ban vận động thành lập hội; địa chỉ thường trú hoặc tạm trú; số điện thoại liên hệ và tài liệu liên quan (bản chính) theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 11 Nghị định này;

c) Sơ yếu lý lịch cá nhân (theo mẫu kèm theo Nghị định này) và phiếu lý lịch tư pháp số 1 (bản chính) của các thành viên ban vận động thành lập hội không quá 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ; nếu thành viên ban vận động thành lập hội là cán bộ, công chức, viên chức được cơ quan có thẩm quyền đồng ý cho tham gia ban vận động thành lập hội bằng văn bản theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ thì không phải nộp phiếu lý lịch tư pháp số 1;

d) Ý kiến đồng ý của cơ quan có thẩm quyền theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ đối với cán bộ, công chức, viên chức tham gia ban vận động thành lập hội (bản chính).

2. Thẩm quyền công nhận ban vận động thành lập hội:

a) Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chính mà hội dự kiến hoạt động quyết định công nhận ban vận động thành lập hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh;

Điều 12. Hồ sơ, thủ tục và thẩm quyền công nhận ban vận động thành lập hội

Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 12 như sau:

“c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận ban vận động thành lập hội hoạt động trong phạm vi xã”.

Để phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp và đẩy mạnh phân cấp, phân quyền theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

<p>b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định công nhận ban vận động thành lập hội hoạt động trong phạm vi tỉnh;</p> <p>c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định công nhận ban vận động thành lập hội hoạt động trong phạm vi huyện, xã.</p> <p>3. Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp pháp, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này lấy ý kiến các cơ quan có liên quan đến hoạt động của hội, xem xét hồ sơ và quyết định công nhận ban vận động thành lập hội, trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.</p> <p>4. Hết thời hạn quy định tại điểm b khoản 7 Điều 11 Nghị định này, ban vận động thành lập hội không hoàn thiện hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15 Nghị định này thì quyết định công nhận ban vận động thành lập hội đương nhiên hết hiệu lực.</p>		
<p>Điều 15. Thẩm quyền giải quyết các thủ tục về hội</p> <p>1. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều lệ đối với hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc có đảng đoàn.</p> <p>2. Bộ trưởng Bộ Nội vụ cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên, phê duyệt điều lệ; đình chỉ hoạt động có thời hạn, cho phép hoạt động trở lại đối với hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh, trừ trường hợp luật, pháp lệnh có quy định khác về thành lập, phê duyệt điều lệ hội.</p> <p>3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền công nhận ban vận động thành lập hội; cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên, phê duyệt điều lệ; đình chỉ hoạt động có thời hạn, cho phép hoạt động trở lại đối với hội hoạt động trong phạm vi tỉnh.</p>	<p>Điều 15. Thẩm quyền giải quyết các thủ tục về hội</p> <p>1. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều lệ đối với hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc (có Phụ lục IV kèm theo).</p> <p>2. Bộ trưởng Bộ Nội vụ cho phép thành lập, đại hội, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên, phê duyệt điều lệ; đình chỉ hoạt động có thời hạn, cho phép hoạt động trở lại đối với hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh, trừ trường hợp luật, pháp lệnh có quy định khác về thành lập, phê duyệt điều lệ hội.</p> <p>3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền công nhận ban vận động thành lập hội; cho phép thành lập, đại hội, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên, phê duyệt điều lệ; đình chỉ hoạt động có thời hạn, cho phép hoạt động trở lại đối với hội hoạt động trong phạm vi tỉnh.</p>	<p>Để phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp và đẩy mạnh phân cấp, phân quyền theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.</p>

<p>4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có thẩm quyền công nhận ban vận động thành lập hội; cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên, phê duyệt điều lệ; đình chỉ hoạt động có thời hạn, cho phép hoạt động trở lại đối với hội hoạt động trong phạm vi huyện, xã.</p>	<p>4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền công nhận ban vận động thành lập hội; cho phép thành lập, đại hội, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên, phê duyệt điều lệ; đình chỉ hoạt động có thời hạn, cho phép hoạt động trở lại đối với hội hoạt động trong phạm vi xã</p>	
--	--	--

Điều 20. Nội dung chủ yếu, nguyên tắc biểu quyết tại đại hội

1. Nội dung chủ yếu của đại hội thành lập:
 - a) Công bố, trao quyết định cho phép thành lập hội;
 - b) Báo cáo số lượng đại biểu tham dự đại hội và báo cáo thẩm tra tư cách đại biểu tham dự đại hội;
 - c) Thông qua chương trình đại hội, quy chế đại hội, quy chế bầu cử;
 - d) Báo cáo kết quả quá trình vận động thành lập hội;
 - đ) Thảo luận điều lệ đã được cấp có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15 Nghị định này xem xét khi cho phép thành lập hội và biểu quyết điều lệ;
 - e) Thông qua đề án nhân sự đại hội; biểu quyết số lượng thành viên ban chấp hành, ban kiểm tra cho cả nhiệm kỳ của hội; đề cử, ứng cử vào danh sách thành viên ban chấp hành, ban kiểm tra hội;
 - g) Bầu ban chấp hành hội, ban kiểm tra hội;
 - h) Thông qua chương trình hoạt động nhiệm kỳ của hội;
 - i) Các vấn đề khác (nếu có);
 - k) Thông qua nghị quyết đại hội.
2. Nội dung chủ yếu tại đại hội nhiệm kỳ:
 - a) Báo cáo số lượng đại biểu tham dự đại hội và báo cáo thẩm tra tư cách đại biểu tham dự đại hội;
 - b) Thông qua chương trình đại hội, quy chế đại hội, quy chế bầu cử;
 - c) Thảo luận, thông qua báo cáo tổng kết nhiệm kỳ và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ tiếp theo của hội; báo cáo kiểm điểm của ban chấp hành, ban kiểm tra; báo cáo tài chính của hội;
 - d) Thảo luận đổi tên hội (nếu có); thông qua việc sửa đổi, bổ sung điều lệ hoặc tiếp tục sử dụng điều lệ hiện hành;

1. Sửa tên Điều 20 như sau:
“Điều 20. Nội dung chủ yếu tại đại hội”
2. Bãi bỏ điểm đ khoản 2 Điều 20.

1. Đề phù hợp với nội dung bên trong của Điều này. Điều này không quy định nội dung về nguyên tắc tại đại hội.

2. Nội dung chia tác, sáp nhập, hợp nhất thực hiện theo khoản 1 Điều 32 nhằm cải cách thủ tục và tạo điều kiện cho hội thực hiện, vì: theo quy định cũ thì dẫn đến cách hiểu là hội phải tổ chức đại hội để thông qua nội dung này, sau đó mới gửi hồ sơ lên cơ quan nhà nước cho phép thực hiện rồi mới tổ chức đại hội. Việc này hội sẽ phải tiến hành đại hội 02 lần, gây lãng phí cho hội.

Điều 24. Nghĩa vụ, trách nhiệm của hội

1. Chấp hành quy định của cơ quan có thẩm quyền và quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của hội và điều lệ hội.

2. Không được lợi dụng hoạt động của hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống, bản sắc văn hoá dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để thực hiện các hoạt động mê tín, dị đoan; hoạt động tài chính, kinh doanh trái phép làm rối loạn thị trường trong nước.

3. Không công nhận, vinh danh, suy tôn, phong tặng các danh hiệu trái quy định của pháp luật.

4. Hội hoạt động thuộc lĩnh vực nào phải chịu sự quản lý nhà nước của cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực đó và các cơ quan có liên quan trong quá trình tổ chức và hoạt động theo quy định tại Điều 43, Điều 44, Điều 45, Điều 46, Điều 47, Điều 48, Điều 49 và Điều 50 Nghị định này.

5. Tập hợp, phát triển hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của hội và thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích hoạt động của hội.

6. Tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước liên quan đến lĩnh vực hội hoạt động, điều lệ, quy chế, quy định của hội và bồi dưỡng, cập nhật kiến thức tới hội viên.

7. Đề xuất sửa đổi, bổ sung điều lệ; quản lý chặt chẽ hoạt động của tổ chức thuộc hội theo quy định của pháp luật và điều lệ; xây dựng, hoàn thiện các quy chế, quy định của hội để làm cơ sở cho hội tổ chức, hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ hội.

8. Tuân thủ các quy định về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ nước ngoài và các quy định pháp luật khác có liên quan; quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn tài trợ, viện trợ và chịu trách nhiệm là chủ khoản viện trợ theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Nghĩa vụ, trách nhiệm của hội

1. Bổ sung khoản 3a như sau:

“ Không thực hiện hoạt động nhận tiền gửi, cho vay, góp vốn đầu tư”.

2. Sửa đổi khoản 9 như sau:

“9. Báo cáo hồ sơ tổ chức đại hội theo quy định tại khoản 7 Điều 19; hồ sơ báo cáo kết quả đại hội theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định này và chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ”.

1. Hội được thành lập nhằm mục đích tập hợp, đoàn kết, bảo vệ quyền của hội viên và nhằm phòng ngừa, tránh hội trở thành tổ chức tín dụng hoạt động nhận tiền gửi, cho vay, góp vốn đầu tư và tăng cường công tác quản lý giúp hội hoạt động đúng tôn chỉ, mục đích.

2. Quy định nguyên tắc việc hội sau khi đại hội phải báo cáo kết quả (trước đó mới chỉ quy định báo cáo hồ sơ tổ chức đại hội) và nhằm trách nhiệm của hội trong việc lập các hồ sơ tài liệu giúp các cơ quan thuận lợi trong việc thẩm định.

Điều 30. Xử lý vi phạm

1. Hội bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15 Nghị định này xem xét đình chỉ hoạt động có thời hạn khi phát hiện hội vi phạm một trong những quy định sau:

- a) Vi phạm nguyên tắc không vì mục đích lợi nhuận;
- b) Trong quá trình tổ chức, hoạt động có vấn đề phức tạp liên quan đến an ninh, trật tự an toàn xã hội;
- c) Vi phạm các quy định của pháp luật về quản lý tài sản, tài chính; về tiếp nhận, quản lý và sử dụng tài trợ, viện trợ;
- d) Không báo cáo kết quả đại hội theo quy định tại Điều 21 Nghị định này hoặc không thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo về tình hình tổ chức, hoạt động, báo cáo tài chính hàng năm và đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15 Nghị định này có văn bản đôn đốc nhưng quá thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản đôn đốc hội vẫn không khắc phục;
- đ) Quá 60 ngày làm việc kể từ ngày hội được cấp phép lập văn phòng đại diện, chi nhánh hoặc có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hoặc giấy phép hoạt động do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp đối với tổ chức có tư cách pháp nhân tại khoản 4 Điều 25 Nghị định này hoặc khi miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay đổi chức danh chủ tịch, phó chủ tịch hội, tổng thư ký, thành viên ban chấp hành, ban thường vụ, ban kiểm tra hoặc thay đổi trụ sở, văn phòng đại diện, chi nhánh của hội mà hội không báo cáo theo quy định;
- e) Quá 60 ngày làm việc mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15 có văn bản yêu cầu hội thực hiện một trong những nghĩa vụ, trách nhiệm quy định tại khoản 3, khoản 13, khoản 14, khoản 15, khoản 18, khoản 19, khoản 20, khoản 21 Điều 24 Nghị định

Điều 30. Xử lý vi phạm

Bổ sung điểm i khoản 1 Điều 30 như sau:

“i. Hội không đủ số lượng hội viên theo quy định tại khoản 6 Điều 10 Nghị định này đến thời điểm báo cáo cơ quan có thẩm quyền về việc tổ chức đại hội nhiệm kỳ”.

Theo Nghị định số 126/2024/NĐ-CP thì khi hội vi phạm hành vi này sẽ bị giải thể. Trong quá trình triển khai chưa có hội nào vi phạm, tuy nhiên qua rà soát thì thấy quy định này quá chặt với hội. Hội hoạt động trong cả quá trình, tại thời điểm đại hội chưa đủ số lượng hội viên đã bị giải thể là chưa phù hợp nên Bộ Nội vụ đề xuất chuyển nội dung này sang xử lý tạm đình chỉ để cho hội thời gian khắc phục, vận động kết nạp hội viên đảm bảo số lượng.

này mà hội không thực hiện;

g) Quá thời hạn 90 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan có thẩm quyền yêu cầu hội giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp liên quan đến hội nhưng hội không giải quyết và không báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

h) Báo cáo không đầy đủ, sai lệch thông tin có hệ thống liên quan tình hình hoạt động của hội (bao gồm các tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc hội).

2. Hội bị giải thể theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15 Nghị định này khi vi phạm một trong các trường hợp:

a) Vi phạm khoản 2 Điều 24 Nghị định này;

b) Tự tổ chức đại hội khi chưa có ý kiến cho phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15 Nghị định này;

c) Quá thời gian gia hạn quy định tại điểm c khoản 4 Điều 19 Nghị định này mà hội không tổ chức đại hội, trừ trường hợp có lý do bất khả kháng;

d) Không báo cáo về tổ chức, hoạt động và tài chính theo quy định hoặc không công khai báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán và kết luận của kiểm toán (nếu có) trong 02 năm liên tục;

đ) Quá thời hạn hội bị đình chỉ hoạt động có thời hạn mà không khắc phục được vi phạm theo quy định tại khoản 6 Điều 33 Nghị định này;

e) Hết 180 ngày kể từ ngày có yêu cầu của trên 1/2 tổng số hội viên chính thức đề nghị giải thể hội nhưng ban chấp hành hội không tiến hành thủ tục tự giải thể hội;

g) Hội không đủ số lượng hội viên theo quy định tại khoản 6 Điều 10 Nghị định này đến thời điểm báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc tổ chức Đại hội nhiệm

<p>kỳ.</p> <p>3. Người nào vi phạm quyền lập hội, lợi dụng danh nghĩa hội để hoạt động trái pháp luật, lợi dụng chức vụ, quyền hạn cho phép thành lập hội trái với quy định của Nghị định này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật; trường hợp gây thiệt hại về vật chất thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.</p>		
<p>Điều 37. Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ</p> <p>1. Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ hoạt động trong phạm vi toàn quốc được xác định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.</p> <p>2. Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ hoạt động trong phạm vi tỉnh, huyện, xã do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định sau khi có ý kiến của cấp có thẩm quyền ở tỉnh trên cơ sở các hội đã được giao biên chế, cấp hoặc hỗ trợ về kinh phí, điều kiện hoạt động, được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ thường xuyên, phù hợp với quy định của Đảng và điều kiện, yêu cầu nhiệm vụ cụ thể của địa phương.</p> <p>3. Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ thực hiện các quy định chung tại Nghị định này và quy định riêng tại Chương VI này.</p>	<p>Điều 37. Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ</p> <p>1. Sửa đổi khoản 2 Điều 37 như sau:</p> <p>“2. Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ hoạt động trong phạm vi tỉnh, xã do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định sau khi có ý kiến của cấp có thẩm quyền ở tỉnh trên cơ sở các hội đã được giao biên chế, cấp hoặc hỗ trợ về kinh phí, điều kiện hoạt động, được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ thường xuyên, phù hợp với quy định của Đảng và điều kiện, yêu cầu nhiệm vụ cụ thể của địa phương, ưu tiên các hội trong danh sách các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ hoạt động trong phạm vi toàn quốc”.</p> <p>2. Sửa đổi khoản 3 Điều 37 như sau:</p> <p>“3. Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ thực hiện các quy định chung tại Nghị định này; quy định riêng tại Chương VI này và chịu sự hướng dẫn, điều phối thống nhất của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam”.</p>	<p>Để phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và thể chế chủ trương của Bộ Chính trị, Ban Bí thư tại Kết luận số 230-KL/TW “<i>chịu sự hướng dẫn, điều phối thống nhất của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam</i>”</p>

Điều 38. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của hội

2. Nghĩa vụ, trách nhiệm của hội:

a) Phổ biến, tuyên truyền, vận động hội viên, các tầng lớp Nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chủ trương, quyết định liên quan đến tổ chức, hoạt động của hội; tích cực tham gia các chương trình phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội của đất nước; thực hiện nhiệm vụ do Đảng, Nhà nước giao, tăng cường đồng thuận xã hội;

b) Tổ chức hoạt động theo đúng tôn chỉ, mục đích, chức năng, nhiệm vụ của hội; chỉ đạo, quản lý chặt chẽ hoạt động của các pháp nhân trực thuộc hội; quản lý, sử dụng kinh phí, tài sản được giao, các loại quỹ theo đúng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và điều lệ hội; chấp hành hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán của các cơ quan chức năng;

c) Phát triển, tập hợp, đoàn kết hội viên trong các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động; đại diện, bảo vệ, phản ánh, kiến nghị, phối hợp giải quyết quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của hội viên, các tầng lớp Nhân dân;

d) Định kỳ 06 tháng, 01 năm và khi có yêu cầu gửi báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động đến các cấp có thẩm quyền theo quy định, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cùng cấp (nếu hội là tổ chức thành viên), cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15 Nghị định này và cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chính hội hoạt động;

đ) Xin ý kiến cấp có thẩm quyền theo quy định về chương trình, kế hoạch hoạt động hàng năm và đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường; mời đại diện cấp có thẩm quyền theo quy định dự họp đảng đoàn (đối với hội có đảng đoàn), dự họp ban thường vụ (đối với hội không có đảng đoàn);

e) Việc đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đình chỉ có thời hạn và giải thể hội theo như quy định tại Chương V Nghị định này phải được sự đồng ý của cấp có thẩm quyền;

Điều 38. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của hội

1. Sửa đổi điểm đ khoản 2 như sau

“đ) Xin ý kiến cấp có thẩm quyền theo quy định về chương trình, kế hoạch hoạt động hàng năm và đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường; mời đại diện cấp có thẩm quyền theo quy định dự họp ban thường vụ đảng ủy hoặc chi bộ”.

2. Bãi bỏ cụm từ “nếu hội là tổ chức thành viên” tại điểm đ khoản 2.

Hiện nay, các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ về trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và không dùng cụm từ hội có đảng đoàn.

Điều 39. Chính sách của Nhà nước đối với hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ

1. Ngân sách trung ương hỗ trợ đối với hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở trung ương, bao gồm:

a) Chi lương, phụ cấp và chế độ, chính sách khác theo quy định đối với người trong độ tuổi lao động được phân công, điều động đến làm việc tại hội theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền và người được tuyển dụng trong chỉ tiêu biên chế của hội;

b) Chế độ thù lao cho những người đã nghỉ hưu giữ chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch chuyên trách của hội;

c) Chi thực hiện hoạt động thường xuyên tính theo định mức phân bổ chi quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể như cơ quan hành chính nhà nước ở trung ương theo số biên chế được giao;

d) Kinh phí thực hiện nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền tại Điều 8 Nghị định này giao;

đ) Cơ sở vật chất và phương tiện hoạt động theo quy định pháp luật về đất đai, pháp luật về tài sản công, pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan;

e) Hội lập dự toán kinh phí ngân sách trung ương hỗ trợ theo điểm a, điểm b, điểm c, điểm đ khoản này theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước gửi Bộ Tài chính.

2. Quy trình giao nhiệm vụ và hỗ trợ kinh phí đối với hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở trung ương:

a) Đối với nhiệm vụ trong chương trình, kế hoạch hoạt động hằng năm của hội đã có ý kiến của cơ quan có thẩm quyền được phân công theo dõi, chỉ đạo hội trong đó xác định rõ nhiệm vụ được ngân sách nhà nước hỗ trợ (chi tiết số lượng, khối lượng nhiệm vụ), hội lập dự toán gửi Bộ Tài chính theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan;

b) Đối với nhiệm vụ do cấp có thẩm quyền giao cho hội nhưng chưa có trong chương trình, kế hoạch hoạt động hằng

Điều 39. Chính sách của Nhà nước đối với hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ

1. Sửa đổi điểm e khoản 1 như sau:

“e) Hội lập dự toán kinh phí ngân sách trung ương hỗ trợ theo điểm a, điểm b, điểm c, điểm đ khoản này theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước gửi Mặt trận Tổ quốc Việt Nam”.

b) Sửa đổi khoản 2 như sau:

“2. Quy trình giao nhiệm vụ và hỗ trợ kinh phí đối với hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở trung ương:

a) Đối với nhiệm vụ trong chương trình, kế hoạch hoạt động hằng năm của hội đã có ý kiến của cơ quan có thẩm quyền được phân công theo dõi, chỉ đạo hội trong đó xác định rõ nhiệm vụ được ngân sách nhà nước hỗ trợ (chi tiết số lượng, khối lượng nhiệm vụ), hội lập dự toán gửi Mặt trận Tổ quốc Việt Nam theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan;

b) Đối với nhiệm vụ do cấp có thẩm quyền giao cho hội nhưng chưa có trong chương trình, kế hoạch hoạt động hằng năm, trường hợp cấp có thẩm quyền đã giao chi tiết số lượng, khối lượng nhiệm vụ phân ngân sách nhà nước hỗ trợ, hội lập dự toán kinh phí gửi Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Trường hợp nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao chưa chi tiết số lượng, khối lượng nhiệm vụ phân ngân sách nhà nước hỗ trợ; hội xây dựng đề án hoặc kế hoạch triển khai (trong đó nêu chi tiết số lượng, khối lượng nhiệm vụ phân ngân sách nhà nước hỗ trợ), gửi Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Căn cứ ý kiến của cấp có thẩm quyền, hội lập dự toán gửi Mặt trận Tổ quốc theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan”.

Hiện nay, các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ về trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nên quy trình giao nhiệm vụ đối với các hội này, gồm lập dự toán để hỗ trợ kinh phí theo nhiệm vụ được giao do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì, thẩm định thực hiện.

Điều 40. Chính sách, chế độ đối với người làm việc tại hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ

1. Người làm việc thường xuyên tại hội gồm: chủ tịch, phó chủ tịch chuyên trách; người làm việc tại đơn vị tham mưu, giúp việc trong biên chế được giao; người làm việc theo hợp đồng.

2. Chế độ tuyển dụng, sử dụng và quản lý đối với người làm việc thường xuyên tại hội:

a) Người trong độ tuổi lao động được cấp có thẩm quyền phân công, điều động đến làm việc tại hội theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền và người được tuyển dụng trong chỉ tiêu biên chế của hội theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức;

b) Người làm việc tại hội là người đã nghỉ hưu và người làm việc tại hội trong độ tuổi lao động không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này thực hiện ký kết hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật về lao động.

3. Chế độ tiền lương, phụ cấp, chế độ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, chế độ thù lao, khen thưởng, đào tạo, bồi dưỡng và chế độ, chính sách khác:

a) Người trong độ tuổi lao động có quyết định của cơ quan có thẩm quyền phân công, điều động đến làm việc tại hội và người được tuyển dụng trong chỉ tiêu biên chế được cấp có thẩm quyền giao cho hội thì được hưởng chế độ chính sách theo quy định đối với cán bộ, công chức và thực hiện chế độ nghỉ hưu theo quy định của pháp luật;

b) Người làm việc tại hội không thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản này và khoản 4 Điều này, được hưởng tiền công và chế độ, chính sách khác do hội quyết định phù hợp với yêu cầu công việc và nguồn tài chính hợp pháp của hội, bảo đảm tương quan hợp lý trong nội bộ hội và theo quy định của pháp luật về lao động.

Điều 40. Chính sách, chế độ đối với người làm việc tại hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ

Sửa đổi khoản 4 Điều 40 như sau:

“4. Đối với người trong độ tuổi lao động và người đã nghỉ hưu giữ chức danh chủ tịch, phó chủ tịch chuyên trách hội được hưởng chế độ thù lao, mức thù lao hàng tháng được quy định như sau:

a) Đối với hội hoạt động phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh: Chủ tịch không quá 6,50 lần so với mức lương cơ sở; Phó Chủ tịch chuyên trách không quá 6,0 lần so với mức lương cơ sở;

b) Đối với hội hoạt động phạm vi tỉnh: thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh thì Chủ tịch không quá 5,40 lần so với mức lương cơ sở; Phó Chủ tịch không quá 5,0 lần so với mức lương cơ sở. Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương còn lại thì Chủ tịch không quá 5,00 lần so với mức lương cơ sở; Phó Chủ tịch không quá 4,0 lần so với mức lương cơ sở;

c) Đối với hội hoạt động phạm vi xã: xã thuộc thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh thì Chủ tịch không quá 3,0 lần so với mức lương cơ sở; Phó Chủ tịch không quá 2,0 lần so với mức lương cơ sở. Các xã, phường, đặc khu còn lại thì Chủ tịch không quá 2,0 lần so với mức lương cơ sở; Phó Chủ tịch không quá 1,5 lần so với mức lương cơ sở”.

Nhằm thể chế hóa Quyết định số 118-QĐ/TW và giải quyết các kiến nghị trong quá trình thực hiện Nghị định số 126/2024/NĐ-CP và Quyết định số 30/2011/QĐ-TTg, cũng như theo báo cáo của các địa phương trong quá trình tổng kết thực hiện Quyết định số 30/2011/QĐ-TTg.

4. Đối với người đã nghỉ hưu giữ chức danh chủ tịch, phó chủ tịch chuyên trách hội được hưởng chế độ thù lao theo quy định của pháp luật.

5. Kinh phí chi trả thù lao cho các đối tượng quy định tại khoản 4 Điều này được lấy từ nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ hàng năm cho hội.

Điều 42. Chủ tịch, phó chủ tịch và quy trình nhân sự ban chấp hành, ban thường vụ, ban kiểm tra, chủ tịch, phó chủ tịch hội

1. Chủ tịch hội phải đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của khoản 7 Điều 22 Nghị định này và quy định của cấp có thẩm quyền về sức khỏe, độ tuổi, nhiệm kỳ.

2. Căn cứ tiêu chuẩn, điều kiện đối với chủ tịch hội, hội quy định tiêu chuẩn, điều kiện đối với phó chủ tịch hội và đảm bảo độ tuổi, sức khỏe, nhiệm kỳ theo quy định của cấp có thẩm quyền.

3. Quy trình nhân sự ban chấp hành, ban thường vụ, ban kiểm tra, chủ tịch, phó chủ tịch hội thực hiện theo quy định của cấp có thẩm quyền.

4. Số lượng phó chủ tịch hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc được quy định như sau:

a) Hội có đảng đoàn bầu không quá 03 phó chủ tịch chuyên trách;

b) Hội không có đảng đoàn được bầu không quá 02 phó chủ tịch chuyên trách;

c) Theo yêu cầu hoạt động, có thể bố trí một số phó chủ tịch không chuyên trách, số lượng do hội trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

5. Số lượng phó chủ tịch hội chuyên trách tại hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ hoạt động trong phạm vi tỉnh không quá 02 người, trong phạm vi huyện không quá 01 người.

Điều 42. Chủ tịch, phó chủ tịch và quy trình nhân sự ban chấp hành, ban thường vụ, ban kiểm tra, chủ tịch, phó chủ tịch hội

1. Sửa đổi khoản 4 Điều 42 như sau:

“4. Số lượng phó chủ tịch hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc được quy định như sau:

a) Hội được xác định tại Phụ lục IV kèm theo Nghị định này bầu không quá 03 phó chủ tịch chuyên trách;

b) Hội được xác định tại Phụ lục V kèm theo Nghị định này bầu không quá 02 phó chủ tịch chuyên trách;

c) Theo yêu cầu hoạt động, có thể bố trí một số phó chủ tịch không chuyên trách, số lượng do hội trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định”.

2. Thay thế từ “huyện” bằng từ “xã” tại khoản 5 Điều 42

“5. Số lượng phó chủ tịch hội chuyên trách tại hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ hoạt động trong phạm vi tỉnh không quá 02 người, trong phạm vi xã không quá 01 người”.

Thế chế hóa Quyết định số 118-QĐ/TW và hiện nay không còn dùng cụm từ hội có đảng đoàn; đồng thời không còn hội huyện nên đã quy định hội xã có không quá 01 người phó chủ tịch chuyên trách.

Điều 43. Trách nhiệm của Bộ Nội vụ

1. Xây dựng trình hoặc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về hội.

2. Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương, hội và tổ chức, công dân thi hành pháp luật về hội.

3. Trình Thủ tướng Chính phủ xem xét phê duyệt điều lệ đối với hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc có đảng đoàn. Thực hiện thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định này. Lấy ý kiến bằng văn bản các bộ, ngành có liên quan đến hoạt động của hội khi giải quyết các thủ tục về hội thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

4. Chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ thực hiện quản lý nhà nước về tổ chức, hoạt động của hội.

5. Tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức làm công tác quản lý nhà nước về hội.

6. Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về hội và kiểm tra việc thực hiện điều lệ hội theo chức năng, nhiệm vụ của Bộ Nội vụ; trừ các nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền quản lý nhà nước của các bộ, cơ quan ngang bộ và hoạt động của tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc hội.

7. Khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng đối với hội, tổ chức, cá nhân có thành tích trong hoạt động của hội theo quy định của pháp luật.

8. Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm liên quan đến quyết định hành chính của bộ và hoạt động công vụ của cán bộ, công chức ở các tổ chức thuộc bộ theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

9. Giúp Chính phủ quản lý biên chế của các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở trung ương theo quy định của pháp luật và cơ quan có thẩm quyền.

10. Phê duyệt các khoản viện trợ, kiểm tra, giám sát tình hình tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ của hội do Bộ Nội vụ quyết định cho phép thành lập, phê duyệt Điều lệ hội theo quy định của pháp luật;

Điều 43. Trách nhiệm của Bộ Nội vụ

1. Sửa đổi khoản 3 như sau:

“3. Trình Thủ tướng Chính phủ xem xét phê duyệt điều lệ đối với hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ hoạt động trong phạm vi toàn quốc tại Phụ lục IV kèm theo Nghị định này. Thực hiện thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định này. Lấy ý kiến bằng văn bản các bộ, ngành có liên quan đến hoạt động của hội khi giải quyết các thủ tục về hội thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Nội vụ”.

2. Bãi bỏ cụm từ “thanh tra” tại khoản 6.

3. Bãi bỏ khoản 9.

1. Hiện nay không còn dùng cụm từ hội có đảng đoàn. Các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ về trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nên việc quản lý biên chế chuyển về Mặt trận Tổ quốc.

2. Chức năng thanh tra đã chuyển về Thanh tra Chính phủ

<p>Điều 44. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ</p> <p>1. Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước đối với hội trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ, cơ quan ngang bộ theo quy định của pháp luật. Tổ chức lấy ý kiến của hội để hoàn thiện các quy định quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực.</p> <p>2. Cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chính mà hội dự kiến hoạt động lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan đến hoạt động của hội trước khi xem xét, quyết định công nhận ban vận động thành lập hội.</p> <p>3. Tham gia ý kiến bằng văn bản về các nội dung liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ, cơ quan ngang bộ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi giải quyết các thủ tục về hội tại khoản 2 Điều 15 Nghị định này; hướng dẫn, tạo điều kiện để hội tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường.</p> <p>4. Hướng dẫn, tạo điều kiện cho hội tham gia các hoạt động trong ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ, ngành; hướng dẫn hội tham gia chương trình dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, cung cấp dịch vụ công, đào tạo, cấp chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ năng lực, chứng chỉ khác thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của pháp luật; cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hoặc giấy phép hoạt động cho các tổ chức có tư cách pháp nhân (nếu có) tại khoản 4 Điều 25 Nghị định này và quản lý chặt chẽ các tổ chức này theo quy định của pháp luật.</p> <p>5. Lấy ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định này trước khi cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hoặc giấy phép hoạt động cho tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc hội tại khoản 4 Điều 25 Nghị định này.</p> <p>6. Khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng đối với hội, tổ chức, cá nhân có thành tích trong hoạt</p>	<p>Điều 44. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ</p> <p>Bãi bỏ cụm từ “thanh tra” khoản 7 Điều 44</p>	<p>Chức năng thanh tra đã chuyển về Thanh tra Chính phủ</p>
--	--	---

<p>động của hội liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của bộ, cơ quan ngang bộ theo quy định của pháp luật.</p> <p>7. Thanh tra, kiểm tra hoạt động của hội thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước, trong đó bao gồm các tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc hội do bộ, ngành cấp phép; xử lý, đình chỉ, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hoặc giấy phép hoạt động cho tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc hội hoặc kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý các vi phạm (nếu có) theo quy định của pháp luật.</p> <p>8. Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm có liên quan đến quyết định hành chính của bộ, cơ quan ngang bộ và hoạt động công vụ của cán bộ, công chức của đơn vị thuộc bộ, cơ quan ngang bộ liên quan đến hội theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.</p> <p>9. Phối hợp với hội và các cơ quan có liên quan đề xuất cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ cho hội phù hợp với lĩnh vực hoạt động của hội và phù hợp với chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực hội hoạt động.</p> <p>10. Thông báo bằng văn bản với Bộ Nội vụ khi có quyết định giao cho hội tham gia các hoạt động thuộc ngành, lĩnh vực quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ và khi hỗ trợ kinh phí đối với hội do Bộ Nội vụ cho phép thành lập, phê duyệt Điều lệ hội.</p> <p>11. Hàng năm, tổng hợp, báo cáo Bộ Nội vụ về tình hình hoạt động của hội thuộc sự quản lý chuyên ngành về lĩnh vực hoạt động chính của hội.</p> <p>12. Phối hợp trong xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu về hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh.</p> <p>13. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.</p>		
<p>Điều 47. Trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông</p>	<p>Sửa tên Điều 47 như sau: “Điều 47. Trách nhiệm của Bộ Văn hóa, Thể thao và</p>	<p>Để phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các Bộ,</p>

<p>Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về báo chí đối với các cơ quan báo, tạp chí thuộc hội được thành lập theo quy định của pháp luật về báo chí; có ý kiến bằng văn bản về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật lãnh đạo cơ quan báo chí thuộc hội theo quy định của Đảng và Nhà nước.</p>	<p>Du lịch”.</p>	<p>như Bộ Thông tin và Truyền thông đã hợp nhất với Bộ Khoa học và Công nghệ, chức năng quản lý nhà nước về báo chí chuyển sang Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch</p>
<p>Điều 48. Trách nhiệm của Bộ Ngoại giao</p> <p>Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước đối với các hoạt động đối ngoại thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Ngoại giao theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Điều 48. Trách nhiệm của Bộ Ngoại giao</p> <p>Sửa đổi Điều 48 như sau:</p> <p>“Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước đối với các hoạt động đối ngoại thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Ngoại giao theo quy định của pháp luật. Chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ ban hành hướng dẫn về công tác đối ngoại của các hội”.</p>	<p>Nhằm thể chế hóa các chủ trương tại Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; Quyết định số 392-QĐ/TW ngày 06/01/2026 của Bộ Chính trị về quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại và Chỉ thị số 12-CT/TW ngày 05/01/2022 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu quả đối ngoại nhân dân trong tình hình mới.</p>
<p>Điều 50. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện</p> <p>1. Quản lý, thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về hội và điều lệ hội hoạt động trong phạm vi huyện, xã.</p> <p>2. Kiểm tra hoạt động tài chính, tài sản, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý các vi phạm về tài sản, tài chính, kế toán đối</p>	<p>Điều 50. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã</p> <p>1. Quản lý, thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về hội và điều lệ hội hoạt động trong phạm vi xã.</p> <p>2. Kiểm tra hoạt động tài chính, tài sản, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý các vi phạm về tài sản, tài chính, kế toán đối với hội hoạt động trong phạm vi xã.</p>	<p>Đề phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và thực hiện chỉ đạo phân cấp, phân quyền.</p>

<p>với hội hoạt động trong phạm vi huyện, xã.</p> <p>3. Khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng hội, tổ chức, cá nhân có thành tích theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm liên quan đến quyết định hành chính và hoạt động công vụ của cán bộ, công chức ở các tổ chức thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã theo quy định của pháp luật.</p> <p>5. Xem xét, quyết định giao nhiệm vụ cho hội hoạt động trong phạm vi huyện, xã phù hợp với lĩnh vực hoạt động của hội.</p> <p>6. Hàng năm, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về tình hình tổ chức, hoạt động và quản lý hội hoạt động trong phạm vi huyện, xã.</p> <p>7. Cập nhật cơ sở dữ liệu hội theo phân cấp quản lý và phối hợp trong xây dựng, vận hành, quản lý cơ sở dữ liệu về hội hoạt động phạm vi huyện, xã.</p> <p>8. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 15 Nghị định này.</p> <p>9. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.</p>	<p>3. Khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng hội, tổ chức, cá nhân có thành tích theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm liên quan đến quyết định hành chính và hoạt động công vụ của cán bộ, công chức ở các tổ chức thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của pháp luật.</p> <p>5. Xem xét, quyết định giao nhiệm vụ cho hội hoạt động trong phạm vi xã phù hợp với lĩnh vực hoạt động của hội.</p> <p>6. Hàng năm, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về tình hình tổ chức, hoạt động và quản lý hội hoạt động trong phạm vi xã.</p> <p>7. Cập nhật cơ sở dữ liệu hội theo phân cấp quản lý và phối hợp trong xây dựng, vận hành, quản lý cơ sở dữ liệu về hội hoạt động phạm vi xã.</p> <p>8. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 15 Nghị định này.</p> <p>9. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật”.</p>	
	<p>1. Sửa đổi Phụ lục I.</p> <p>2. Bổ sung Phụ lục IV về danh sách các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều lệ và bầu không quá 03 phó chủ tịch chuyên trách; Phụ lục V về danh sách hội bầu không quá 02 phó chủ tịch chuyên trách.</p>	<p>Sửa lại danh sách các hội cho phù hợp với Kết luận số 230-KL/TW và hiện nay không dùng cụm từ có đảng đoàn.</p>